

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 07 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Tuyên bố một người mất tích.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Long.

Thư ký phiên họp: Ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên họp:
Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-VDS ngày 17/02/2025 về việc “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1975. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 16/02/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên họp, người yêu cầu bà Bùi Thị T trình bày:* Bà T kết hôn với ông Hoàng Văn P vào ngày 10 tháng 03 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Cuộc sống vợ chồng chung sống với nhau bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 01 năm 2020 thì ông P bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ lý do

và không rõ tung tích ở đâu, mặc dù gia đình đã nhiều lần tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không xác định được tung tích của ông Hoàng Văn P còn sống hay đã chết.

Công an xã C nơi ông P đăng ký hộ khẩu thường trú cũng xác nhận: Ông P đi khỏi địa phương từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, hiện tại ông P vẫn không có mặt tại địa phương.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Hoàng Quế C, sinh năm sinh ngày 23/03/2006 và Hoàng Thị C1, sinh ngày 27/07/2007, hiện nay cả hai cháu đang sinh sống cùng với bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Hoàng Văn P mất tích để có thể làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà T không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thông báo tìm kiếm ông P trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng thông báo tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của ông P. Tại phiên họp bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố ông P mất tích.

Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp Luật Dân sự của Thẩm phán và Thư ký và người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến khi mở phiên họp, tất cả đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp Luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự, Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Thẩm phán chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Bùi Thị T, tuyên bố ông P mất tích. Về lệ phí bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk nhận định:

[1] Bà Bùi Thị T kết hôn với ông Hoàng Văn P vào ngày 10 tháng 03 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng bà T, ông P chung sống và cư trú tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Hoàng Văn P là thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) nên Tòa án thụ lý yêu cầu của bà Bùi Thị T về yêu cầu tuyên bố ông Hoàng Văn P mất tích là phù hợp với khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét việc người yêu cầu bà Bùi Thị T cho rằng: tháng 01 năm 2020 đến nay, ông Hoàng Văn P bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ lý do, mặc dù gia đình

bà đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về ông P. Lời trình bày của bà T phù hợp với xác nhận của Công an xã C trong đơn xin xác nhận của bà T và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông P, đều khẳng định: ông Hoàng Văn P bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01/2020 đến nay không rõ tung tích.

[3] Sau khi thụ lý yêu cầu, Tòa án đã áp dụng biện pháp đăng thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực T và Báo Công lý ba số liên tiếp, hết thời hạn 4 (bốn) tháng kể từ ngày đăng phát thông báo lần đầu tiên đến nay vẫn không có tin tức gì về ông Hoàng Văn P.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: ông Hoàng Văn P đã biệt tích hai năm liền trở lên, mặc dù đã được áp dụng đầy đủ các biện pháp theo quy định pháp luật nhưng vẫn không có tin tức xác thực gì đối với ông Hoàng Văn P. Do đó, xét yêu cầu của bà Bùi Thị T về việc tuyên bố ông Hoàng Văn P mất tích là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Người yêu cầu bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 369, Điều 370 và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị T.

Tuyên bố ông Hoàng Văn P mất tích.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Thị T phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số AA/2023/0000958 ngày 03/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7).

3. Về chi phí thông báo tìm kiếm một người mất tích bà T tự nguyện chịu số tiền chi phí Thông báo tìm kiếm là 3.775.000đ và đã xử lý xong nên không đề cập giải quyết.

4. Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra

quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND khu vực 7-Đắk Lắk.
- THADS tỉnh Đắk Lắk.
- UBND xã Ea Ô.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Hoàng Long